

Số: /TTr-UBND

Lào Cai, ngày tháng 11 năm 2025

**“DỰ THẢO LẦN 1”**

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số .../2025/QĐ-TTg ngày tháng năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030;

Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-KHĐT ngày /11/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai, với những nội dung sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số ..../2025/QĐ-TTg ngày tháng năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

Ngày 29/11/2024, Quốc hội ban hành Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15. Theo đó, tại khoản 3 Điều 90 của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 39 Điều 7 Luật số 90/2025/QH15 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã như sau: *“3. Trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương do cấp mình quản lý”*.

Đối với nguồn vốn của cấp xã thì cấp xã chủ động cân đối. Tuy nhiên, đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ cho cấp xã, nguồn vốn này cần phải sớm phân bổ hỗ trợ cho cấp xã để các xã, phường có cơ sở xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 và năm 2026 đảm bảo về nội dung và thời gian theo quy định của Luật Đầu tư công.

Thực hiện Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030; trong đó tại khoản 3 Điều 11 của Nghị quyết này có giao Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030. Tuy nhiên, nội dung này đến nay Thủ tướng

Chính phủ chưa ban hành; mặt khác nội dung của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 đến nay không còn phù hợp và trung ương đang sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 (*tại Văn bản số 15323/BTC-KTĐP ngày 23/9/2025 của Bộ Tài chính về việc dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15*).

Để tăng cường phân cấp, phân quyền, tạo sự chủ động và làm cơ sở cho các xã, phường trong công tác xây dựng, lập, phân bổ kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 và hằng năm được triển khai thực hiện bảo đảm theo nguyên tắc chung quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030: “2. *Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; phát huy vai trò đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân để thu hút, huy động mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển; tăng cường phân cấp, phân quyền, rà soát cắt giảm tối đa thủ tục hành chính trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các Bộ, cơ quan trung ương và các cấp chính quyền địa phương, xóa bỏ quan liêu bao cấp, xóa bỏ cơ chế xin - cho*” cần thiết phải xây dựng và ban hành 01 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

## 2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện tinh thần “*vừa chạy, vừa xếp hàng*” để đảm bảo thời gian cho cấp xã xây dựng kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 và năm 2026 theo quy định Luật đầu tư công (*trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch đầu tư cùng năm sau cho các đơn vị thực hiện*). Sở Tài chính đang chủ động tham mưu xây dựng Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15. Đồng thời, trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Sở Tài chính sẽ chủ động, kịp thời nghiên cứu, cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 cũng như văn bản quy định chi tiết của Thủ tướng Chính phủ bảo đảm xây dựng nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với hướng dẫn của cơ quan nhà nước cấp trên và phù hợp với quy định của pháp luật.

Do vậy, để các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan sớm có cơ sở pháp lý đảm bảo tính thống nhất, kịp thời trong công tác triển khai xây dựng, lập, thẩm định, phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công trung

hạn và hằng năm nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030; Nên việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 01 Nghị quyết quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai là cần thiết.

## **II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

### **1. Mục đích ban hành văn bản**

- Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 làm căn cứ lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 của các sở, ngành, địa phương và các đơn vị được giao quản lý và sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai; bảo đảm công khai, minh bạch trong công tác phân bổ, quản lý và sử dụng vốn.

- Là căn cứ để các cấp, các ngành có liên quan quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm.

### **2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản**

- Bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số .../2025/QĐ-TTg ngày / /2025 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Ưu tiên cân đối vốn cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn và các địa phương còn khó khăn, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các địa phương trong tỉnh.

- Phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 cho các xã, phường làm cơ sở, động lực, vai trò dẫn dắt, thu hút tối đa các nguồn lực từ các thành phần kinh tế khác để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, lãng phí, kém hiệu quả; bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động đầu tư sử dụng nguồn vốn nhà nước.

- Góp phần cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu và bảo đảm phối hợp công tác chặt chẽ, kịp thời ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

Căn cứ quy định của Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công ngày 25 tháng 6 năm 2025; Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030; Quyết định số ..../2025/QĐ-TTg ngày tháng năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về quy



định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030.

UBND tỉnh có Văn bản /UBND-TH ngày / /2025...., . Trong đó giao Sở Tài chính chủ trì tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Sở Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 tỉnh Lào Cai bảo đảm phù hợp theo đúng các quy định hiện hành và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

Sở Tài chính có văn bản số /STC-THQH ngày / /2025 gửi các sở, ngành và địa phương lấy ý kiến tham gia vào dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết. Trên cơ sở các ý kiến tham gia, Sở Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện Dự thảo (lần 1).

Ngày 06/7/2021, Sở Tài chính có văn bản số /STC-THQH gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (tại Báo cáo số /BC-STP ngày / /2025), Sở Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện dự thảo (lần 2) trình UBND tỉnh xem xét.

Ngày /11/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đó tổ chức họp xem xét và quyết định việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết.

Ngày ..../11/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đó gửi hồ sơ Nghị quyết đến Ban Kinh tế - Ngõn sách, Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị thẩm tra.

Trên cơ sở kết quả thẩm tra của Ban Kinh tế ngõn sách, Hội đồng nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh đó tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh và trình dự thảo Nghị quyết lên Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN**

**1. Về bố cục của Nghị quyết:** Gồm 07 Điều.

**2. Về nội dung cơ bản**

2.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) *Phạm vi điều chỉnh:* Nghị quyết ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) *Đối tượng áp dụng*

- Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị được giao quản lý, sử dụng vốn, nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến xây dựng, lập, thẩm định, phân bổ, giao, triển khai, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

## 2.2. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030

Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ.

## 2.3. Nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công

Nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 và hằng năm thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2.4. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn, mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ vốn đầu tư công nguồn trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 cho các xã, phường

a) Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, xố số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2026-2030 cho các xã, phường

- Bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển kinh tế của các xã, phường trong tỉnh; ưu tiên hỗ trợ các xã nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3 để góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống người dân giữa các xã, phường trong tỉnh<sup>1</sup>.

- Sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển.

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển.

- Các xã, phường căn cứ tổng số vốn đầu tư công nguồn trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, xố số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2026-2030 được giao, phân bổ chi

---

1. *Xố nhóm 1 là xố liền kề dự thị hiện hữu cú định hướng phát triển thành dự thị, hoặc xố cú tỷ trọng ngành nụng nghiệp trong cơ cấu kinh tế dưới 10%, hoặc xố được định hướng là dự thị mới..*

2. *Xố nhóm 2 là xố khụng thuộc xố nhóm 1 và xố nhóm 3.*

3. *Xố nhóm 3 là xố ngốó, hoặc xố khu vực II và xố khu vực III thuộc địa bàn vụng đồng bào dón tộc thiểu số và miền nỳi.*

tiết cho các nhiệm vụ đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế tại từng xã, phường. Khuyến khích các xã, phường trong cùng khu vực kết hợp sử dụng nguồn vốn này để triển khai các dự án liên xã, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của cả khu vực.

b) Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2026-2030 cho các xã, phường

Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn trong cân đối cho các xã, phường trên cơ sở tính điểm theo 5 nhóm tiêu chí<sup>2</sup>:

- Tiêu chí dân số, gồm: Số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số của các xã, phường.

- Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều, số thu cân đối ngân sách.

- Tiêu chí về diện tích, gồm: Diện tích đất tự nhiên, diện tích đất trồng lúa, tỷ lệ che phủ rừng của các xã, phường.

- Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã, gồm: Xã nhóm 1, xã nhóm 2, xã nhóm 3, phường; số thôn bản, tổ dân phố.

- Tiêu chí bổ sung, gồm: Xã biên giới; xã chịu tác động lớn của thiên tai, biến đổi khí hậu (mưa bão, sạt lở đất, lũ quét, sạt lở bờ sông, ...).

c) Định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2026-2030 cho các xã, phường

- Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ (G) = Tổng vốn đầu tư công nguồn trong cân đối phân bổ cho các xã, phường (K)/Tổng điểm của các xã, phường (Q).

- Số vốn đầu tư công nguồn trong cân đối của các xã, phường ( $K_{đp}$ ) = Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ (G) x số điểm của các xã, phường ( $Q_{đp}$ ).

- Cách xác định số điểm của từng tiêu chí theo 5 nhóm tiêu chí và tiêu chí bổ sung; xác định số điểm của từng xã, phường: *(Chi tiết phương pháp tính điểm theo Phụ lục số 01 đính kèm).*

d) Mức vốn đầu tư công nguồn trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2026-2030 phân bổ cho các xã, phường

---

2. Quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bố trí 30% tổng số vốn đầu tư công<sup>3</sup> nguồn trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, xỏ số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2026-2030 cho các xã, phường<sup>4</sup> theo tiêu chí và định mức phân bổ vốn.

- Bố trí 70% tổng số vốn đầu tư công nguồn trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, xỏ số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2026-2030 để tập trung đầu tư vào các công trình, dự án có tính liên vùng, liên xã, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, có tính lan tỏa cao; đảm bảo không dàn trải, manh mún.

đ) Phương thức hỗ trợ vốn đầu tư công nguồn cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, xỏ số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2026-2030

- Đối với 30% tổng số vốn đầu tư công hỗ trợ cho các xã, phường theo tiêu chí và định mức phân bổ vốn:

Hỗ trợ bổ sung có mục tiêu cho các xã, phường để triển khai thực hiện Đề án phát triển giao thông nông thôn và một số nhiệm vụ quan trọng khác được cấp có thẩm quyền quyết định. Trong đó khuyến khích các xã, phường trong cùng khu vực phối hợp sử dụng nguồn vốn này để triển khai các dự án liên xã, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của cả khu vực.

Với phương thức hỗ trợ này, các xã, phường có thể chủ động, linh hoạt trong công tác cân đối ngân sách cấp mình để cùng lòng ghép với vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh để xây dựng, lập, phân bổ cũng như công tác điều chỉnh kế vốn cả giai đoạn 2021-2025 và hằng năm.

- Đối với 70% tổng số vốn đầu tư công để tập trung bố trí đầu tư vào các công trình, dự án có tính liên vùng, liên xã, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, có tính lan tỏa cao: Trên cơ sở đề xuất nhu cầu đầu tư của các cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã gửi Sở Tài chính chủ trì tổng hợp, cân đối, tham mưu báo cáo, trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư từng dự án cho các chủ đầu tư triển khai thực hiện theo quy định.

2.5. Nguyên tắc phân bổ vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất (*không bao gồm chi đầu tư phát triển quỹ đất*), thu xỏ số kiến thiết và các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi

a) Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất: Việc phân bổ nguồn thu tiền sử dụng đất cho các dự án được thực hiện đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trên cơ sở nguồn thu

---

3. Tham khảo điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Nếu dự kiến tổng số vốn đầu tư công nguồn trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, xỏ số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2026-2030 của tỉnh khoảng 8.000 tỷ, thì tổng số vốn phân bổ cho các xã, phường theo tiêu chí, định mức được khoảng 2.400 tỷ, bình quân khoảng 24,24 tỷ đồng/xã.

tiền sử dụng đất được bố trí cho đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết: Việc phân bổ nguồn thu xổ số kiến thiết cho các dự án được thực hiện đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trên cơ sở nguồn thu xổ số kiến thiết được bố trí cho đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Trong quá trình điều hành ngân sách nhà nước, nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách nhà nước sử dụng theo quy định tại Điều 61 của Luật Ngân sách nhà nước, đối với phần vốn dành cho đầu tư phát triển (nếu có) báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép bố trí cho các ngành, lĩnh vực, chương trình, đề án, dự án theo quy định, trong đó ưu tiên bố trí cho các dự án trọng điểm và dự án quan trọng khác đảm bảo theo quy định.

## 2.6. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách cấp xã

a) Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách cấp xã năm 2026 được xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước, dự kiến nguồn thu ngân sách cấp được hưởng theo phân cấp, số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã (nếu có), phù hợp với định hướng, mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 và mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể phát triển kinh tế - xã hội của năm 2026; kết quả thực hiện dự toán ngân sách của cấp xã giai đoạn 2021 - 2025, ước thực hiện năm 2025.

b) Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách cấp xã từ năm 2027 đến năm 2030 được xác định từng năm trên cơ sở tốc độ tăng trưởng bình quân 05 năm vốn đầu tư công nguồn ngân sách cấp xã so với vốn đầu tư công năm 2026 (không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết).

## 2.7. Tổ chức thực hiện.

# V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ): Không

# VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

Số vốn hỗ trợ cho các xã, phường theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn giai đoạn 2026-2030 và hằng năm được xác định dựa trên tổng số vốn đầu tư công nguồn trong cân đối ngân sách địa phương (*không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương*) giai đoạn 2026-2030 và hằng năm của tỉnh. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức vốn đầu tư công nguồn trong cân đối ngân sách địa phương (*không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương*) giai đoạn 2026-2030 phân bổ cho các xã, phường theo tỷ lệ dự kiến như sau:

Bố trí 30% tổng số vốn đầu tư công nguồn trong cân đối ngân sách địa phương (*không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết và bội chi ngân*

sách địa phương) giai đoạn 2026-2030 cho các xã, phường theo tiêu chí và định mức phân bổ vốn.

Bố trí 70% tổng số vốn đầu tư công nguồn trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2026-2030 để tập trung đầu tư vào các công trình, dự án có tính liên vùng, liên xã, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, có tính lan tỏa cao; đảm bảo không dàn trải, manh mún.

***Xin gửi kèm theo Tờ trình, gồm:***

*1. Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.*

*2. Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến chính sách.*

*3. Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.*

*4. Báo cáo giải trình việc tiếp thu ý kiến của các cơ quan, đơn vị.*

*5. Báo cáo thẩm định số ...../BC-STP ngày ..../2025 của Sở Tư pháp.*

Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT, TC;
- Chánh VP, Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, XD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Huy Tuấn**

**PHỤ LỤC SỐ: 01****Cách xác định số điểm của từng tiêu chí theo 5 nhóm tiêu chí; xác định số điểm của từng xã, phường***(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /11/2025 của UBND tỉnh Lào Cai)*

1. Cách xác định số điểm của từng tiêu chí theo 5 nhóm tiêu chí và tiêu chí bổ sung

a) Tiêu chí dân số, gồm: Số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số. Cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí dân số trung bình

| <b>Số dân trung bình</b>                                    | <b>Điểm</b> |
|-------------------------------------------------------------|-------------|
| Dưới 10.000 người                                           | 10          |
| Từ 10.000 người trở lên, cứ tăng thêm 2.000 người được thêm | 1           |

Số dân trung bình của các xã, phường để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu báo cáo của Chi cục Thống kê tỉnh Lào Cai cung cấp.

(2) Điểm của tiêu chí người dân tộc thiểu số

| <b>Số người dân tộc thiểu số</b>                           | <b>Điểm</b> |
|------------------------------------------------------------|-------------|
| Dưới 2.000 người                                           | 4           |
| Từ 2.000 người trở lên, cứ tăng thêm 1.000 người được thêm | 1           |

Số người dân tộc thiểu số của các xã, phường để tính điểm được xác định căn cứ số liệu báo cáo của Sở Dân tộc và Tôn giáo cung cấp.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều, số thu cân đối ngân sách, tỷ lệ bổ sung cân đối ngân sách địa phương. Cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

| <b>Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều</b>                             | <b>Điểm</b> |
|------------------------------------------------------------|-------------|
| Dưới 5% hộ nghèo không tính điểm                           | 0           |
| Từ 5% hộ nghèo trở lên, cứ tăng thêm 1% hộ nghèo được thêm | 1           |

Tỷ lệ hộ nghèo của các xã, phường để tính điểm được xác định căn cứ số liệu kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Lào Cai năm 2025 *(trước mắt lấy số liệu theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp)*.

(2) Điểm của tiêu chí số thu cân đối ngân sách

| <b>Số thu cân đối ngân sách</b> | <b>Điểm</b> |
|---------------------------------|-------------|
|---------------------------------|-------------|

|                                           |    |
|-------------------------------------------|----|
| Dưới 5 tỷ đồng                            | 10 |
| Từ 5 tỷ đồng, cứ tăng thêm 1 tỷ đồng được | 1  |

Số thu cân đối ngân sách của các xã, phường để tính điểm được tính theo kết quả thu ngân sách nhà nước tháng 7 năm 2025 (*tính theo địa bàn 99 xã, phường tỉnh Lào Cai sau sáp nhập*).

(3) Điểm của tiêu chí tỷ lệ bổ sung cân đối ngân sách địa phương

| Tỷ lệ bổ sung cân đối ngân sách địa phương | Điểm |
|--------------------------------------------|------|
| Dưới 2%                                    | 10   |
| Từ 2% trở lên, cứ tăng thêm 1% được thêm   | 2,5  |

Tỷ lệ bổ sung cân đối ngân sách của các xã, phường để tính điểm được tính theo tỷ lệ bổ sung cân đối ngân sách tháng 7 năm 2025 (*tính theo địa bàn 99 xã, phường tỉnh Lào Cai sau sáp nhập*).

c) Tiêu chí về diện tích, gồm: Diện tích đất tự nhiên, diện tích đất trồng lúa, tỷ lệ che phủ rừng của các xã, phường. Cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên

| Diện tích đất tự nhiên                               | Điểm |
|------------------------------------------------------|------|
| Dưới 100.000 ha                                      | 6    |
| Từ 100.000 ha đến 200.000 ha, cứ 20.000 ha tăng thêm | 2    |
| Trên 200.000 ha, cứ 20.000 ha tăng thêm              | 1    |

Diện tích đất tự nhiên của các xã, phường để tính điểm được xác định căn cứ số liệu báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp.

(2) Điểm của tiêu chí diện tích đất trồng lúa

| Diện tích đất trồng lúa                   | Điểm |
|-------------------------------------------|------|
| Dưới 100 ha                               | 2    |
| Từ 100 ha trở lên, cứ 50.000 ha tăng thêm | 1    |

Diện tích đất trồng lúa của các xã, phường để tính điểm được xác định căn cứ số liệu báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp.

(2) Điểm của tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng:

| Tỷ lệ che phủ rừng              | Điểm |
|---------------------------------|------|
| Cứ 2% độ che phủ rừng được tính | 0,5  |

Tỷ lệ che phủ rừng của các xã, phường để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu do Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp.

d) Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã, gồm: Xã nhóm 1, xã nhóm 2, xã nhóm 3, phường; thôn, bản, tổ dân phố. Cách tính cụ thể như sau:



## (1) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã

| <b>Đơn vị hành chính cấp xã</b> | <b>Điểm</b> |
|---------------------------------|-------------|
| Mỗi phường được tính            | 100         |
| Mỗi xã nhóm 3 được tính         | 110         |
| Mỗi xã nhóm 2 được tính         | 120         |
| Mỗi xã nhóm 1 được tính         | 130         |
| Mỗi tổ dân phố được tính        | 0,1         |
| Mỗi thôn, bản được tính         | 0,2         |

Danh sách xã, phường để tính điểm lấy theo số liệu do Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp; Số thôn, bản, tổ dân phố để tính điểm lấy theo số liệu do Sở Nội vụ cung cấp.

đ) Tiêu chí bổ sung, gồm: Xã biên giới; Xã chịu tác động lớn của thiên tai, biến đổi khí hậu: Mưa bão, sạt lở đất, lũ quét, sạt lở bờ sông, .... Cách tính cụ thể như sau:

## (1) Điểm của tiêu chí xã biên giới

| <b>Đơn vị hành chính cấp xã</b> | <b>Điểm</b> |
|---------------------------------|-------------|
| Xã biên giới                    | 10          |

(2) Điểm của tiêu chí xã chịu tác động lớn của thiên tai, biến đổi khí hậu: Mưa bão, sạt lở đất, lũ quét, sạt lở bờ sông, ...

| <b>Chịu tác động lớn của thiên tai, biến đổi khí hậu</b> | <b>Điểm</b> |
|----------------------------------------------------------|-------------|
| Dưới 100 hộ không tính điểm                              | 0           |
| Từ 100 hộ trở lên, cứ tăng thêm 50 được thêm             | 1           |

Số hộ chịu tác động lớn của thiên tai, biến đổi khí hậu của các xã, phường để tính điểm lấy theo số liệu do Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp.

## 2. Xác định số điểm của từng xã, phường

Căn cứ điểm các tiêu chí quy định trên, xác định được điểm của các xã, phường (Qđp) như sau:

| <b>Stt</b> | <b>Tên xã, phường</b> | <b>Số điểm</b> |
|------------|-----------------------|----------------|
| 1          | Phường Âu Lâu         | 192            |
| 2          | Phường Cam Đường      | 244            |
| 3          | Phường Cầu Thia       | 178            |
| 4          | Phường Lào Cai        | 241            |
| 5          | Phường Nam Cường      | 166            |

|    |                  |     |
|----|------------------|-----|
| 6  | Phường Nghĩa Lộ  | 166 |
| 7  | Phường Sa Pa     | 171 |
| 8  | Phường Trung Tâm | 168 |
| 9  | Phường Văn Phú   | 175 |
| 10 | Phường Yên Bái   | 267 |
| 11 | Xã A Mú Sung     | 226 |
| 12 | Xã Bản Hồ        | 201 |
| 13 | Xã Bản Lầu       | 203 |
| 14 | Xã Bản Liên      | 220 |
| 15 | Xã Bản Xèo       | 215 |
| 16 | Xã Bảo Ái        | 195 |
| 17 | Xã Bảo Hà        | 244 |
| 18 | Xã Bảo Nhai      | 267 |
| 19 | Xã Bảo Thắng     | 189 |
| 20 | Xã Bảo Yên       | 200 |
| 21 | Xã Bát Xát       | 231 |
| 22 | Xã Bắc Hà        | 249 |
| 23 | Xã Cẩm Nhân      | 192 |
| 24 | Xã Cao Sơn       | 228 |
| 25 | Xã Cát Thịnh     | 192 |
| 26 | Xã Cốc Lầu       | 228 |
| 27 | Xã Cốc San       | 191 |
| 28 | Xã Chấn Thịnh    | 183 |
| 29 | Xã Châu Quế      | 183 |
| 30 | Xã Chế Tạo       | 215 |
| 31 | Xã Chiềng Ken    | 197 |
| 32 | Xã Dền Sáng      | 230 |
| 33 | Xã Dương Quỳ     | 194 |
| 34 | Xã Đông Công     | 189 |
| 35 | Xã Gia Hội       | 193 |
| 36 | Xã Gia Phú       | 207 |
| 37 | Xã Hạnh Phúc     | 218 |
| 38 | Xã Hợp Thành     | 187 |
| 39 | Xã Hưng Khánh    | 191 |
| 40 | Xã Khánh Hòa     | 202 |
| 41 | Xã Khánh Yên     | 198 |
| 42 | Xã Khao Mang     | 220 |

|    |                    |     |
|----|--------------------|-----|
| 43 | Xã Lao Chải        | 217 |
| 44 | Xã Lâm Giang       | 178 |
| 45 | Xã Lâm Thượng      | 196 |
| 46 | Xã Liên Sơn        | 173 |
| 47 | Xã Lục Yên         | 194 |
| 48 | Xã Lùng Phình      | 222 |
| 49 | Xã Lương Thịnh     | 185 |
| 50 | Xã Mậu A           | 218 |
| 51 | Xã Minh Lương      | 195 |
| 52 | Xã Mỏ Vàng         | 206 |
| 53 | Xã Mù Cang Chải    | 216 |
| 54 | Xã Mường Bo        | 186 |
| 55 | Xã Mường Hum       | 223 |
| 56 | Xã Mường Khương    | 271 |
| 57 | Xã Mường Lai       | 204 |
| 58 | Xã Nậm Có          | 239 |
| 59 | Xã Nậm Chày        | 204 |
| 60 | Xã Nậm Xé          | 198 |
| 61 | Xã Nghĩa Đô        | 212 |
| 62 | Xã Nghĩa Tân       | 185 |
| 63 | Xã Ngũ Chỉ Sơn     | 202 |
| 64 | Xã Púng Luông      | 214 |
| 65 | Xã Pha Long        | 237 |
| 66 | Xã Phình Hồ        | 243 |
| 67 | Xã Phong Dụ Hạ     | 183 |
| 68 | Xã Phong Dụ Thượng | 181 |
| 69 | Xã Phong Hải       | 173 |
| 70 | Xã Phúc Khánh      | 212 |
| 71 | Xã Phúc Lợi        | 190 |
| 72 | Xã Quy Mông        | 199 |
| 73 | Xã Si Ma Cai       | 253 |
| 74 | Xã Sín Chéng       | 222 |
| 75 | Xã Sơn Lương       | 206 |
| 76 | Xã Tả Củ Tỷ        | 216 |
| 77 | Xã Tả Phìn         | 204 |
| 78 | Xã Tả Van          | 220 |
| 79 | Xã Tà Xi Láng      | 239 |

|    |                    |               |
|----|--------------------|---------------|
| 80 | Xã Tăng Loỏng      | 195           |
| 81 | Xã Tân Hợp         | 187           |
| 82 | Xã Tân Lĩnh        | 194           |
| 83 | Xã Tú Lệ           | 209           |
| 84 | Xã Thác Bà         | 198           |
| 85 | Xã Thượng Bằng La  | 168           |
| 86 | Xã Thượng Hà       | 227           |
| 87 | Xã Trạm Tấu        | 234           |
| 88 | Xã Trấn Yên        | 233           |
| 89 | Xã Trịnh Tường     | 225           |
| 90 | Xã Văn Bàn         | 213           |
| 91 | Xã Văn Chấn        | 196           |
| 92 | Xã Việt Hồng       | 182           |
| 93 | Xã Võ Lao          | 218           |
| 94 | Xã Xuân Ái         | 186           |
| 95 | Xã Xuân Hòa        | 224           |
| 96 | Xã Xuân Quang      | 200           |
| 97 | Xã Y Tý            | 233           |
| 98 | Xã Yên Bình        | 182           |
| 99 | Xã Yên Thành       | 189           |
|    | <b>Tổng số (Q)</b> | <b>20.452</b> |